



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3197** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **24** tháng **12** năm **2012**

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Định mức dự toán
công tác khoan phụt xử lý công trình thủy lợi

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định: số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp & PTNT, số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình và Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **Định mức dự toán công tác khoan phụt xử lý công trình thủy lợi.**

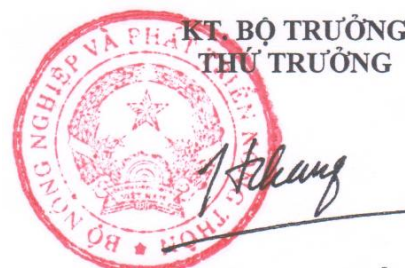
Điều 2. Định mức này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, vận dụng trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí cho công tác khoan phụt xử lý công trình thủy lợi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, Thanh tra thuộc Bộ;
- Các Chủ đầu tư, Ban Quản lý DA thuộc Bộ;
- Các đơn vị tư vấn thuộc Bộ;
- Lưu VT, XD.



Hoàng Văn Thắng

**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN
CÔNG TÁC KHOAN PHỤT XỬ LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**
(Kèm theo Quyết định số **3197** /QĐ-BNN-XD ngày 24 / 12 /2012
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Định mức dự toán công tác khoan phụt xử lý công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là định mức khoan phụt) là định mức kinh tế - kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác (1m khoan, 1m phụt) từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công liên tục, theo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng.

Định mức khoan phụt được xây dựng trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật về thiết kế - thi công - nghiệm thu hiện hành của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp & PTNT; hiện trạng máy móc thiết bị và công nghệ thi công tiên tiến; các văn bản pháp luật về Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước.

1.1. Nội dung định mức khoan phụt

Định mức khoan phụt bao gồm:

a) *Mức hao phí vật liệu*: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu tính trong chi phí chung) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một mét khoan hay một mét phụt. Mức hao phí vật liệu đã bao gồm mức hao hụt vật liệu trong khâu thi công.

Trong định mức chưa tính ống chèn, các loại vật liệu chế tạo vữa như xi măng, đất sét, phụ gia... Các loại vật liệu này được tính riêng theo quy định của thiết kế cho từng công trình cụ thể.

b) *Mức hao phí lao động*: Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp và phục vụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công. Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác xây dựng.

c) *Mức hao phí máy thi công*: Là số ca máy và thiết bị thi công chính trực tiếp thực hiện, kể cả máy và thiết bị phục vụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng.

1.2. Kết cấu tập định mức khoan phụt:

Định mức khoan phụt được trình bày theo nhóm và loại công tác và được mã hóa thống nhất. Mỗi loại định mức được trình bày tóm tắt thành phần công việc, điều kiện kỹ thuật thi công, biện pháp thi công tương ứng với loại công tác để thực hiện công tác khoan phụt vữa. Các thành phần hao phí trong định mức khoan phụt được xác định theo nguyên tắc sau:

- Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu. Mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ % tính trên chi phí vật liệu chính.

- Mức hao phí lao động được tính bằng số ngày công theo cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện.

- Mức hao phí máy thi công chính được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy thi công khác được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí sử dụng máy chính.

1.3. Hướng dẫn áp dụng.

- Định mức khoan phụt áp dụng để lập đơn giá cho công tác khoan phụt xử lý công trình thủy lợi, làm cơ sở xác định dự toán chi phí và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình các dự án xây dựng công trình thủy lợi.

Định mức khoan, phụt được tính toán trong điều kiện bình thường như: khoan tạo lỗ là khoan thẳng đứng từ trên xuống, đường kính lỗ khoan đến 110 mm, khoan trong điều kiện có chống ống $\leq 50\%$ chiều dài lỗ khoan; phụt theo phương pháp truyền thống, có phân đoạn theo quy định của thiết kế; khối lượng vật liệu khô tiêu hao ≤ 50 kg. Nếu khoan phụt khác với điều kiện trên thì định mức được nhân hệ số điều chỉnh như sau:

- Khoan xiên thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh $K=1,20$

- Khoan, phụt trên phao bè, giàn giáo, mái dốc thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh $K=1,30$ (chi phí cho công tác làm dàn giáo, đường ray trượt được tính riêng)

- Khoan, phụt trong điều kiện lấy lợi khó khăn thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh $K=1,05$

- Khoan qua vữa xi măng đã ngưng kết thì áp dụng định mức khoan qua đá cấp 4 ÷ 6 với điều kiện tương ứng và nhân hệ số điều chỉnh $K=0,3$ (vật liệu, nhân công và máy thi công).

- Nếu khoan không chống ống thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh $K=0,90$.

- Khi mức ăn vừa lớn hơn 50 kg/m (vật liệu ở trạng thái khô) thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh như sau:

> 50 đến 100 kg	Hệ số K = 1,10
> 100 đến 200 kg	Hệ số K = 1,15
> 200 kg	Hệ số K = 1,20

- Khi phụt thử nghiệm (trước khi thi công đại trà) thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh K=1,30

- Khi phụt dung dịch hỗn hợp (xi măng + sét) mà tỷ lệ sét > 70% thì hao phí nhân công và máy thi công được nhân hệ số điều chỉnh K=1,20

Trong quá trình áp dụng nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung định mức cho phù hợp.

II. ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC KHOAN PHỤT XỬ LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI.

1. Định mức dự toán công tác khoan tạo lỗ bằng máy khoan xoay bơm rửa trên cạn, máy khoan XY 1A hoặc loại tương tự, khoan đứng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, thiết bị, xác định vị trí lỗ khoan.
- Lắp đặt thiết bị, vận chuyển nội bộ công trình.
- Khoan tạo lỗ đến độ sâu thiết kế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Xối rửa mùn khoan bằng nước sạch, hạ ống chèn, gia cố chân chèn.
- Tháo dỡ thiết bị, vệ sinh, thu dọn mặt bằng.
- Kiểm tra chất lượng, hoàn thiện lỗ khoan bảo đảm yêu cầu kỹ thuật
- Nghiệm thu, bàn giao thực địa, tài liệu.

1.1. Định mức dự toán công tác khoan tạo lỗ với độ sâu khoan <10m

Đơn vị tính: 01 m khoan

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất đá			
				I÷III	IV÷VI	VII÷VIII	IX÷X
KH.100	Khoan tạo lỗ bằng máy khoan xoay bơm rửa trên cạn	Vật liệu					
		Mũi khoan hợp kim	cái	0,0780	0,1820	0,3890	
		Mũi khoan kim cương	cái				0,0530
		Bộ mở rộng kim cương	bộ				0,0150
		Cần khoan	m	0,0140	0,0280	0,0380	0,0430
		Đầu nối cần	bộ	0,0050	0,0090	0,0130	0,0140
		Ống chống	m	0,0300	0,0300	0,0200	0,0200
		Đầu nối ống chống	cái	0,0100	0,0100	0,0070	0,0070
		Ống khoan đơn	m	0,0400	0,0400	0,0400	0,0400
		Ống khoan kép	m	0,0020	0,0020	0,0020	0,0020
		Ống dẫn nước Φ 40	m	0,0400	0,0400	0,0400	0,0400
		Gỗ nhóm V	m³	0,0035	0,0035	0,0035	0,0035
		Vật liệu khác	%	10	10	10	10
		Nhân công					
		Thợ 4/7	Công	1,1400	1,4770	1,9160	2,0310
		Máy thi công					
		Máy khoan XY1A hoặc loại tương tự	Ca	0,1410	0,1950	0,2980	0,3250
		Máy bơm BW 250/50	Ca	0,0700	0,0970	0,1490	0,1630
		Máy khác	%	2	2	2	2
				10	20	30	40



1.2. Định mức dự toán công tác khoan tạo lỗ với độ sâu khoan <30m

Đơn vị tính : 01 m khoan

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất đá			
				I÷III	IV÷VI	VII÷VIII	IX÷X
KH.200	Khoan tạo lỗ bằng máy khoan xoay bơm rửa trên cạn	Vật liệu					
		Mũi khoan hợp kim	cái	0,0700	0,1640	0,3500	
		Mũi khoan kim cương	cái				0,0500
		Bộ mở rộng kim cương	bộ				0,0150
		Cần khoan	m	0,0150	0,0300	0,0400	0,0450
		Đầu nối cần	bộ	0,0050	0,0100	0,0140	0,0150
		Ống chống	m	0,0300	0,0300	0,0200	0,0200
		Đầu nối ống chống	cái	0,0100	0,0100	0,0070	0,0070
		Ống khoan đơn	m	0,0400	0,0400	0,0400	0,0400
		Ống khoan kép	m	0,0020	0,0020	0,0020	0,0020
		Ống dẫn nước Φ 40	m	0,0400	0,0400	0,0400	0,0400
		Gỗ nhóm V	m ³	0,0035	0,0035	0,0035	0,0035
		Vật liệu khác	%	10	10	10	10
		Nhân công					
		Thợ 4/7	Công	1,2000	1,5580	2,0230	2,1450
		Máy thi công					
		Máy khoan XY1A hoặc loại tương tự	Ca	0,1490	0,2060	0,3410	0,3720
		Máy bơm BW 250/50	Ca	0,0740	0,1030	0,1710	0,1860
		Máy khác	%	2	2	2	2
						10	20

1.3. Định mức dự toán công tác khoan tạo lỗ với độ sâu khoan <45m

Đơn vị tính: 01 m khoan

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất đá			
				I÷III	IV÷VI	VII÷VIII	IX÷X
KH.300	Khoan tạo lỗ bằng máy khoan xoay bơm rửa trên cạn	Vật liệu					
		Mũi khoan hợp kim	cái	0,0630	0,1480	0,3150	
		Mũi khoan kim cương	cái				0,0470
		Bộ mở rộng kim cương	bộ				0,0150
		Cần khoan	m	0,0160	0,0320	0,0420	0,0470
		Đầu nối cần	bộ	0,0052	0,0110	0,0147	0,0157
		Ống chống	m	0,0300	0,0300	0,0200	0,0200
		Đầu nối ống chống	cái	0,0100	0,0100	0,0070	0,0070
		Ống khoan đơn	m	0,0400	0,0400	0,0400	0,0400
		Ống khoan kép	m	0,0020	0,0020	0,0020	0,0020
		Ống dẫn nước Φ 40	m	0,0400	0,0400	0,0400	0,0400
		Gỗ nhóm V	m ³	0,0035	0,0035	0,0035	0,0035
		Vật liệu khác	%	10	10	10	10
		Nhân công					
		Thợ 4/7	Công	1,2630	1,6430	2,1370	2,2340
		Máy thi công					
		Máy khoan XY1A hoặc loại tương tự	Ca	0,1580	0,2170	0,3900	0,4010
		Máy bơm BW 250/50	Ca	0,0790	0,1080	0,1950	0,2010
		Máy khác	%	2	2	2	2
						10	20

2. Định mức dự toán công tác phụ vữa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vật tư, máy móc thiết bị; vận chuyển máy móc dụng cụ trong phạm vi công trình; lắp ráp máy móc, thiết bị.
- Hạ bộ phụ, kích chèn, nút lỗ phụ. Ép nước.
- Trộn dung dịch, kiểm tra nồng độ.

- Xói rửa hố khoan, mòn khoan. Phụt dung dịch vữa xi măng vào hố khoan đến khi no vữa; theo dõi lưu lượng, áp lực phụt.
- Nâng bộ phụt, lắp hố theo qui định. Tháo dỡ máy móc, thiết bị, vệ sinh, thu dọn mặt bằng, lắp lỗ khoan.
- Kiểm tra chất lượng, nghiệm thu bàn giao.

Định mức dự toán công tác phụt vữa

Đơn vị tính: 01 m phụt

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Độ sâu (m)		
				≤10	≤30	≤45
PH.100	Phụt vữa xi măng xử lý công trình thủy lợi	Vật liệu				
		Bộ kích ép	Bộ	0,0066	0,0066	0,0066
		Ống ngoài Φ76	m	0,0500	0,0500	0,0500
		Ống trong Φ42	m	0,0500	0,0500	0,0500
		Ống tổ ong	ống	0,0066	0,0066	0,0066
		Ống tam thông	cái	0,0066	0,0066	0,0066
		Cần phụt Φ42	m		0,0066	0,0066
		Quả cao su các loại	cái	0,1000	0,1000	0,1000
		Ống cao su chịu áp lực nước	m	0,0500	0,0500	0,0500
		Thùng khối	cái	0,0050	0,0050	0,0050
		Đồng hồ đo lưu lượng	cái	0,0066	0,0066	0,0066
		Đồng hồ đo áp lực	cái	0,0066	0,0066	0,0066
		Vật liệu khác	%	10	10	10
		Nhân công				
		Thợ 4/7	Công	0,4660	0,5130	0,6129
		Máy thi công				
		Máy trộn vữa ≤750 lít	Ca	0,0890	0,0970	0,1194
		Máy bơm vữa BW 250/50	Ca	0,0890	0,0970	0,1194
		Máy bơm nước 250/50	Ca	0,0300	0,0320	0,0358
		Tháp khoan tay	Ca		0,0970	0,1194
		Máy khác	%	2	2	2
				10	20	30